TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 -2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đình Phùng

2. Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Hồng Phương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Quốc Uy, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2017/TLST HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn C, xã Minh M, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn C, xã Minh M, huyện K, thành phố Hải Phòng: Đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn (anh H) trình bày: Tôi xây dựng gia đình với cô Ngô Thị N trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 25/7/1995.

Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian đi làm ăn xa nhà từ cuối năm 1997 ở thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để lo toan kinh tế gia đình nhưng tôi đã vi phạm pháp luật phải đi chấp hành hình phạt 08 năm tù, trong thời gian chấp hành án cô N không có trách nhiệm gì với tôi. Hết thời gian chấp hành hình phạt đầu năm 2004 tôi trở về sống đoàn tụ cùng gia đình nhưng không có hạnh phúc. Do vợ chồng không có thời gian sống chung nhiều dẫn đến bất đồng trong quan điểm sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt từ năm 2004 và cũng từ đây chúng tôi sống ly

thân không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đã khuyên can và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng đều không có kết quả dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 7/2017, tôi đã làm thủ tục ly hôn với cô N tại Tòa án nhân dân huyện K, trong lúc Tòa án giải quyết tôi đã rút lại yêu cầu xin ly hôn để vợ chồng nhìn nhận lại. Tuy nhiên thời gian về chung sống với nhau, tôi và cô N không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng không hàn gắn được, tôi xin được ly hôn cô Ngô Thị N.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Vũ Văn H1, sinh năm 1995. Nay đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tôi và cô N không có, nên không yêu cầu Tòa án xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (chị Ngô Thị N) vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; về phía bị đơn, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng (không đến Tòa án làm việc, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định mặc dù đã nhận văn bản của Tòa án giao đúng quy định pháp luật)

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu của anh H; về con chung: Hai bên có 01 con chung là Vũ Văn H1, sinh năm 1995, đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết; về tài sản chung, công nợ: Anh H trình bày không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 25/7/1995.

Sau khi xây dựng gia đình, hai bên chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H và chị N không có nhiều thời gian sống chung với nhau dẫn đến bất đồng trong quan điểm và cách sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt thường xuyên đánh, cãi chửi nhau; hai bên đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay và không còn quan hệ với nhau về tình cảm, kinh tế. Tháng 7/2017, anh H đã làm thủ tục ly hôn với chị N, đã được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng anh H đã rút đơn khởi kiện xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ; Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ngày 15/8/2017. Tuy nhiên thời gian về chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt; nay anh H có đơn xin ly hôn chị N là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Vũ Văn H1, sinh năm 1995. Nay đã trưởng thành và có gia đình riêng, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh H trình bày không có, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H được ly hôn chị Ngô Thị N.

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H đã nộp đủ theo biên

lai thu tiền số 0006148 ngày 08/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng.

Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Lộc